



kle 11/ 

ky Hoa


SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH	
ĐẾN	Số: 58.34.....
	Giữ..... Ngày 24 tháng 02 năm 11.....

**CÔNG TY CỔ PHẦN
SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚC TIẾN**

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
đã được kiểm toán

NỘI DUNG

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02-03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	05-28
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05-07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09-10
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11-28



CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚC TIẾN

Lô 03-9A, KCN Hai Bà Trưng, Phường Hoàng Văn Thụ,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Phúc Tiến (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Phúc Tiến được thành lập và hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101008460 (số cũ: 0103000045) do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 03 tháng 05 năm 2000, đăng ký thay đổi lần 8 ngày 14 tháng 07 năm 2010.

Trụ sở của Công ty tại: Lô 03-9A, KCN Hai Bà Trưng, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Mạnh Hà	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Quang Vinh	Phó chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 10/04/2010
Ông Nguyễn Hồ Quảng	Phó chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 16/07/2010
Ông Nguyễn Hồng	Ủy viên	
Ông Đào Đức Toàn	Ủy viên	
Ông Nguyễn Anh Hùng	Ủy viên	
Ông Lê Quốc Sử	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 23/03/2010

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vũ Hùng	Quyền Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 09/02/2011
Ông Đỗ Văn Hợi	Quyền Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 28/01/2011
Ông Đào Đức Toàn	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 09/02/2011
Ông Nguyễn Tuấn Hiền	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 09/02/2011
Bà Lê Thị Xuân	Phó Giám đốc	
Ông Nguyễn Hồ Quảng	Phó Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 16/07/2010

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Đào Thị Kim Loan	Trưởng ban
Bà Ngô Thị Hồng Vân	Thành viên
Ông Trần Nam Bắc	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚC TIẾN

Lô 03-9A, KCN Hai Bà Trưng, Phường Hoàng Văn Thụ,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15/01/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.



Đào Đức Toàn
Phó Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2011



CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN

AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTANCY SERVICE COMPANY LTD. (AASC)

THÀNH VIÊN INPACT QUỐC TẾ

Số: 79 /2011/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
của Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Phúc Tiến

Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Phúc Tiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Phúc Tiến được lập ngày 20 tháng 01 năm 2011, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 được trình bày từ trang 05 đến trang 28 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thủ tục nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Phúc Tiến tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán (AASC)



Ngô Đức Đoàn
Tổng Giám đốc
Chứng chỉ KTV số: Đ0052/KTV

Hà Nội, ngày 16 tháng 02 năm 2011

Trần Quang Mậu
Kiểm toán viên
Chứng chỉ KTV số: 0668/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		323.324.304.852	258.796.928.365
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	10.919.714.622	1.823.722.281
111	1. Tiền		10.919.714.622	1.823.722.281
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	1.748.460.000	-
121	1. Đầu tư ngắn hạn		2.060.590.000	-
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(312.130.000)	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		203.999.143.934	190.644.185.358
131	1. Phải thu của khách hàng		126.430.733.909	189.110.546.412
132	2. Trả trước cho người bán		15.700.959.370	1.494.576.252
135	5. Các khoản phải thu khác	5	62.034.581.793	39.062.694
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(167.131.138)	-
140	IV. Hàng tồn kho		102.368.138.085	64.788.840.378
141	1. Hàng tồn kho	6	102.368.138.085	64.788.840.378
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		4.288.848.211	1.540.180.348
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		176.270.205	19.435.235
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		3.064.402.942	1.450.989.592
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	7	1.048.175.064	69.755.521
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		129.603.908.016	112.396.074.494
220	II. Tài sản cố định		21.480.215.726	19.840.254.159
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	6.990.190.478	6.023.108.106
222	- Nguyên giá		15.935.716.840	14.181.590.501
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(8.945.526.362)	(8.158.482.395)
227	3. Tài sản cố định vô hình	9	9.168.563.636	9.168.563.636
228	- Nguyên giá		9.179.063.636	9.179.063.636
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(10.500.000)	(10.500.000)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	5.321.461.612	4.648.582.417
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	11	107.000.000.000	90.500.000.000
251	1. Đầu tư vào công ty con		107.000.000.000	80.000.000.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		-	10.500.000.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		1.123.692.290	2.055.820.335
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	1.123.692.290	2.055.820.335
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		452.928.212.868	371.193.002.859

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		138.576.213.346	236.069.695.506
310	I. Nợ ngắn hạn		138.487.922.017	235.985.504.177
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	13	115.240.923.891	128.089.949.313
312	2. Phải trả người bán		13.916.671.260	99.206.921.582
313	3. Người mua trả tiền trước		539.502.458	312.845.009
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	2.809.792.513	5.007.626.866
315	5. Phải trả người lao động		974.795.261	422.558.407
316	6. Chi phí phải trả	15	549.186.556	1.250.672.304
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	16	18.686.864	27.299.625
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		4.438.363.214	1.667.631.071
330	II. Nợ dài hạn		88.291.329	84.191.329
333	3. Phải trả dài hạn khác		72.670.306	68.570.306
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		15.621.023	15.621.023
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		314.351.999.522	135.123.307.353
410	I. Vốn chủ sở hữu	17	314.351.999.522	135.123.307.353
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		199.999.930.000	110.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		78.067.482.550	-
414	4. Cổ phiếu quỹ		(12.110.636.000)	-
416	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		1.660.766.338	452.299.463
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		13.636.988.069	-
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		10.543.171.326	7.442.890.462
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		22.554.297.239	17.228.117.428
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		452.928.212.868	371.193.002.859

CHỖ
 CHỮ
 KÝ
 VÀ
 CHỮ
 KÉ
 TOÁN
 KIỂM
 TOÁN

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
		VND	VND
5. Ngoại tệ các loại			
- Đồng Dollar Mỹ (USD)		17.681,92	3.933,83



Trương Thị Thu Hiền
Kế toán trưởng



Đào Đức Toàn
Phó Giám đốc

Lập, ngày 10 tháng 02 năm 2011



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2010

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	1.202.191.359.077	911.050.425.254
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.202.191.359.077	911.050.425.254
11	4. Giá vốn hàng bán	19	1.170.374.634.997	887.215.654.045
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		31.816.724.080	23.834.771.209
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20	61.583.308.248	15.239.988.750
22	7. Chi phí tài chính	21	14.008.714.668	12.668.009.910
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		10.744.309.277	7.142.730.680
24	8. Chi phí bán hàng	22	1.663.558.692	1.395.630.993
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	7.029.763.380	5.643.740.272
30	10. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		70.697.995.588	19.367.378.784
31	11. Thu nhập khác		338.315.214	593.158.749
32	12. Chi phí khác		823.632.543	730.284.317
40	13. Lợi nhuận khác		(485.317.329)	(137.125.568)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		70.212.678.259	19.230.253.216
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	24	3.195.443.200	3.556.986.632
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>67.017.235.059</u>	<u>15.673.266.584</u>

HT



Trương Thị Thu Hiền
Kế toán trưởng

Đào Đức Toàn
Phó Giám đốc

Lập, ngày 10 tháng 02 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2010

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
			VND	VND
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		70.212.678.259	19.230.253.216
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	Khấu hao tài sản cố định		1.146.682.819	1.092.044.931
03	Các khoản dự phòng		479.261.138	(300.678.406)
05	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(60.726.352.405)	(15.188.586.884)
06	Chi phí lãi vay		10.744.309.277	7.142.730.680
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		21.856.579.088	11.975.763.537
09	Tăng, giảm các khoản phải thu		43.086.440.219	(170.740.546.261)
10	Tăng, giảm hàng tồn kho		(37.579.297.707)	(43.984.276.107)
11	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(105.273.312.959)	95.593.906.487
12	Tăng, giảm chi phí trả trước		775.293.075	(1.529.225.810)
13	Tiền lãi vay đã trả		(11.390.819.071)	(5.991.500.086)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(4.576.302.328)	(2.898.930.323)
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		687.302.284	1.713.029.266
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(989.114.645)	(6.083.107.559)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(93.403.232.044)	(121.944.886.856)
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(2.306.257.906)	(8.500.035.147)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		236.000.000	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị		(21.490.590.000)	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		19.430.000.000	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(16.500.000.000)	(26.500.000.000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	22.000.000.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.289.989.579	15.188.586.884
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(19.340.858.327)	2.188.551.737
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		176.828.884.500	-
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		(12.110.636.000)	-
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		284.451.027.898	296.963.808.220
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(296.432.532.325)	(180.293.516.176)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(30.885.493.000)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		121.851.251.073	116.670.292.044

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2010

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		9.107.160.702	(3.086.043.075)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		1.823.722.281	4.907.417.990
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(11.168.361)	2.347.366
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>10.919.714.622</u>	<u>1.823.722.281</u>




Trương Thị Thu Hiền
Kế toán trưởng

Đào Đức Toàn
Phó Giám đốc

Lập, ngày 10 tháng 02 năm 2011

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2010

1. THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Phúc Tiến được thành lập và hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101008460 (số cũ: 0103000045) do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 03 tháng 05 năm 2000, đăng ký thay đổi lần 8 ngày 14 tháng 07 năm 2010.

Trụ sở của Công ty tại: Lô 03-9A, KCN Hai Bà Trưng, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là: 199.999.930.000 VND (Một trăm chín mươi chín tỷ, chín trăm chín mươi chín triệu, chín trăm ba mươi nghìn đồng). Tương đương 19.999.993 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Công ty có các công ty con sau:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Phúc Tiến Hưng Yên	Thôn Nghĩa Trai, Xã Tân Quang, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
- Công ty TNHH Phúc Tiến Hải Phòng	Thôn Bắc Hà, Xã Bắc Sơn, Huyện An Dương, TP Hải Phòng

Thông tin về các công ty con của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 11.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty gồm:

- Buôn bán tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng (chủ yếu là vật tư, thiết bị máy móc phục vụ sản xuất công, nông nghiệp, xây dựng và ngành nước);
- Sửa chữa, lắp đặt và bảo hành các sản phẩm công ty kinh doanh;
- Môi giới thương mại;
- Đại lý mua, bán, ký gửi hàng hóa;
- Sản xuất các sản phẩm cơ khí phục vụ ngành xây dựng;
- Sản xuất tấm lợp kim loại, sản xuất cấu kiện thép hình, khung nhà tiền chế;
- Mua bán nguyên liệu nhựa và sản xuất các sản phẩm nhựa phục vụ xây dựng, sản xuất và tiêu dùng;
- Xây dựng và lắp đặt các công trình dân dụng, công nghiệp, nông nghiệp, giao thông, thủy lợi;
- Dịch vụ vận chuyển, giao nhận hàng hóa, cho thuê kho bãi;
- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường), chợ và siêu thị;
- Kinh doanh bất động sản (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật);
- Mua bán ô tô, phụ tùng ô tô, dịch vụ sửa chữa ô tô và vận tải hành khách;
- Sản xuất, buôn bán đồ gỗ nội thất;
- Cho thuê văn phòng.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.



Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	04 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 06 năm
- Phương tiện vận tải	05 - 06 năm
- Thiết bị văn phòng	02 năm
- Phần mềm quản lý	03 năm

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay



Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí tài chính của năm tài chính. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm này. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tài sản và công nợ tiền tệ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh ở khoản mục "Chênh lệch tỷ giá" trong Phần Vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán và sẽ được ghi giảm trong năm tiếp theo; chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục công nợ tiền tệ dài hạn có gốc ngoại tệ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Tuy nhiên, trường hợp ghi nhận lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục công nợ tiền tệ dài hạn vào chi phí dẫn đến kết quả kinh doanh của công ty bị lỗ, một phần chênh lệch tỷ giá có thể được phân bổ vào các năm sau để công ty không bị lỗ nhưng mức ghi nhận vào chi phí trong năm ít nhất phải bằng chênh lệch tỷ giá của số dư ngoại tệ dài hạn phải trả trong năm đó. Số chênh lệch tỷ giá còn lại sẽ được theo dõi và tiếp tục phân bổ vào chi phí trong các năm tiếp theo với thời gian tối đa là 5 năm.

Ghi nhận doanh thu*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚC TIỀN

Lô 03-9A, KCN Hai Bà Trưng, Phường Hoàng Văn Thụ,
 Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tiền mặt	185.210.577	159.579.000
Tiền gửi ngân hàng	10.734.504.045	1.664.143.281
	10.919.714.622	1.823.722.281

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Chứng khoán đầu tư ngắn hạn	2.060.590.000	-
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(312.130.000)	-
	1.748.460.000	-

5 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Phải thu lợi nhuận được chia từ công ty con	59.200.362.826	-
Phải thu lãi cho vay vốn	1.017.133.334	-
Các khoản phải thu khác	1.817.085.633	39.062.694
	62.034.581.793	39.062.694

6 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	77.225.051.440	48.602.872.610
Công cụ, dụng cụ	-	4.937.272
Thành phẩm	61.491.504	50.104.482
Hàng hoá	25.081.595.141	16.130.926.014
	102.368.138.085	64.788.840.378

7 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tạm ứng	1.038.175.064	59.755.521
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược	10.000.000	10.000.000
	1.048.175.064	69.755.521

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚC TIẾN

Lô 03-9A, KCN Hai Bà Trưng, Phường Hoàng Văn Thụ,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

8 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Tài sản cố định khác		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
NGUYÊN GIÁ											
Số dư đầu năm	2.347.130.242	5.873.712.174	5.852.596.251	108.151.834	-	14.181.590.501	-	-	-	-	14.181.590.501
Số tăng trong năm	-	-	2.230.402.633	17.727.273	-	2.248.129.906	-	-	-	-	2.248.129.906
- Mua sắm mới	-	-	2.230.402.633	17.727.273	-	2.248.129.906	-	-	-	-	2.248.129.906
Số giảm trong năm	-	(92.190.476)	(401.813.091)	-	-	(494.003.567)	-	-	-	-	(494.003.567)
- Thanh lý, nhượng bán	-	(92.190.476)	(401.813.091)	-	-	(494.003.567)	-	-	-	-	(494.003.567)
Số dư cuối năm	2.347.130.242	5.781.521.698	7.681.185.793	125.879.107	-	15.935.716.840	-	-	-	-	15.935.716.840
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ											
Số dư đầu năm	918.361.718	5.129.374.416	2.021.029.727	89.716.534	-	8.158.482.395	-	-	-	-	8.158.482.395
Số tăng trong năm	116.939.374	278.653.339	739.897.102	11.193.004	-	1.146.682.819	-	-	-	-	1.146.682.819
- Trích khấu hao	116.939.374	278.653.339	739.897.102	11.193.004	-	1.146.682.819	-	-	-	-	1.146.682.819
Số giảm trong năm	-	(75.021.161)	(284.617.691)	-	-	(359.638.852)	-	-	-	-	(359.638.852)
- Thanh lý, nhượng bán	-	(75.021.161)	(284.617.691)	-	-	(359.638.852)	-	-	-	-	(359.638.852)
Số dư cuối năm	1.035.301.092	5.333.006.594	2.476.309.138	100.909.538	-	8.945.526.362	-	-	-	-	8.945.526.362
GIÁ TRỊ CÒN LẠI											
Đầu năm	1.428.768.524	744.337.758	3.831.566.524	18.435.300	-	6.023.108.106	-	-	-	-	6.023.108.106
Cuối năm	1.311.829.150	448.515.104	5.204.876.655	24.969.569	-	6.990.190.478	-	-	-	-	6.990.190.478



CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚC TIẾN

Lô 03-9A, KCN Hai Bà Trưng, Phường Hoàng Văn Thụ,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất VND	Tài sản cố định vô hình khác VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	9.168.563.636	10.500.000	9.179.063.636
Số tăng trong năm	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	<u>9.168.563.636</u>	<u>10.500.000</u>	<u>9.179.063.636</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm		10.500.000	10.500.000
Số tăng trong năm	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	-	<u>10.500.000</u>	<u>10.500.000</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Đầu năm	<u>9.168.563.636</u>	-	<u>9.168.563.636</u>
Cuối năm	<u>9.168.563.636</u>	-	<u>9.168.563.636</u>

10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Xây dựng cơ bản dở dang	4.746.696.703	4.546.696.703
- Công trình Đèn Lừ	4.526.696.703	4.526.696.703
- Xây dựng xưởng Hải Phòng	20.000.000	20.000.000
- Công trình Lai Cách - Hải Dương	200.000.000	-
Mua sắm tài sản cố định	-	101.885.714
- Tài sản khác	-	101.885.714
Sửa chữa lớn tài sản cố định	574.764.909	-
- Sửa chữa nhà 309 Tam Trinh	574.764.909	-
	<u>5.321.461.612</u>	<u>4.648.582.417</u>

11 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Đầu tư vào công ty con	107.000.000.000	80.000.000.000
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Phúc Tiến Hưng Yên	80.000.000.000	80.000.000.000
- Công ty TNHH Phúc Tiến Hải Phòng (*)	27.000.000.000	-
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	-	10.500.000.000
- Công ty TNHH Phúc Tiến Hải Phòng	-	10.500.000.000
	<u>107.000.000.000</u>	<u>90.500.000.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚC TIẾNLô 03-9A, KCN Hai Bà Trưng, Phường Hoàng Văn Thụ,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đầu tư vào công ty con

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 31/12/2010 như sau

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Phúc Tiến Hưng Yên	Tỉnh Hưng Yên	100,00%	100,00%	Sản xuất và thương mại
Công ty TNHH Phúc Tiến Hải Phòng (*)	Thành phố Hải Phòng	72,00%	72,00%	Sản xuất và thương mại

(*) Trên Báo cáo tài chính năm 2009, khoản đầu tư vào Công ty TNHH Phúc Tiến Hải Phòng được trình bày là khoản đầu tư vào công ty liên doanh. Năm 2010, do thay đổi cơ cấu vốn trong Công ty TNHH Phúc Tiến Hải Phòng, vì vậy khoản đầu tư này được trình bày là khoản đầu tư vào công ty con.

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn	1.037.158.945	1.936.985.970
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định chờ phân bổ	33.507.636	75.885.966
Chi phí trả trước dài hạn khác	53.025.709	42.948.399
	1.123.692.290	2.055.820.335

13 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Vay ngắn hạn	115.240.923.891	128.089.949.313
- Vay ngân hàng	114.131.554.693	123.414.625.555
- Vay tổ chức khác	-	4.500.000.000
- Vay cá nhân	1.109.369.198	175.323.758
	115.240.923.891	128.089.949.313

Chi tiết vay ngắn hạn

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Long Biên	-	7.315.792.940
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh Hà Nội ⁽¹⁾	28.307.113.700	40.532.971.903
Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàng Mai ⁽²⁾	85.824.440.993	75.565.860.712
Công ty Cổ phần Tập đoàn Tiến Lên	-	4.500.000.000
Vay cá nhân	1.108.186.218	174.269.095
Vay công đoàn Công ty	1.182.980	1.054.663
	115.240.923.891	128.089.949.313

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay

- (1) Hợp đồng tín dụng hạn mức số LD0817000002 ngày 18/06/2008, thỏa thuận bổ sung số 03, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức cho vay tối đa là 60 tỷ đồng;
 - + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn duy trì hạn mức đến hết 30/03/2011;
 - + Thời hạn vay theo từng giấy nhận nợ nhưng không quá 6 tháng;
 - + Lãi suất cho vay theo từng lần nhận tiền vay và được quy định trên từng giấy nhận nợ;
 - + Hình thức bảo đảm tiền vay: thế chấp tài sản là máy móc, thiết bị, hàng tồn kho hình thành từ vốn vay và tài sản đảm bảo của bên thứ 3.
- (2) Hợp đồng tín dụng số HM-10/PT-HM ngày 19/08/2010, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức cho vay tối đa là 150 tỷ đồng;
 - + Mục đích vay: vay vốn ngắn hạn và bảo lãnh thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2010;
 - + Thời hạn duy trì hạn mức đến hết ngày 31/07/2010;
 - + Thời hạn vay cụ thể của mỗi lần giải ngân được ghi trên Giấy nhận nợ, tối đa không quá 06 tháng;
 - + Lãi suất cho vay đối với VND áp dụng lãi suất thả nổi bằng lãi suất huy động tiết kiệm VND có kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau cộng biên độ 3,0%/ năm. Lãi suất áp dụng cho kỳ thu lãi đầu tiên là 12,5%/năm và được điều chỉnh 1 tháng/1 lần.
 - + Hình thức bảo đảm tiền vay: cho vay không có tài sản đảm bảo. Áp dụng biện pháp bổ sung, tài sản thế chấp là Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại địa chỉ số 3 dãy A Mai Động, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Phúc Tiến với giá trị tài sản bảo đảm hiện tại là 7.069.700.000 VND.

14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	3.339.838	2.575.238
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	1.445.784.148
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	2.176.127.504	3.556.986.632
Thuế Thu nhập cá nhân	630.325.171	2.280.848
	<u>2.809.792.513</u>	<u>5.007.626.866</u>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚC TIỀNLô 03-9A, KCN Hai Bà Trưng, Phường Hoàng Văn Thụ,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

15 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>31/12/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	VND	VND
Trích trước chi phí lãi vay	522.786.556	1.169.296.350
Trích trước chi phí phải trả khác	26.400.000	81.375.954
	<u>549.186.556</u>	<u>1.250.672.304</u>

16 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	7.430.565	3.955.593
Bảo hiểm xã hội	-	12.682
Phải trả, phải nộp khác	11.256.299	23.331.350
	<u>18.686.864</u>	<u>27.299.625</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚC TIẾN

Lô 03-9A, KCN Hai Bà Trưng, Phường Hoàng Văn Thụ,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

17 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Cổ phiếu quỹ		Chênh lệch tỷ giá hối đoái		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ dự phòng tài chính		Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	110.000.000.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	7.442.890.462	1.554.850.844	118.997.741.306	15.673.266.584	452.299.463	135.123.307.353
Lãi/lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Chênh lệch tỷ giá cuối năm trước	-	-	-	-	-	-	452.299.463	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	110.000.000.000	-	-	-	-	-	452.299.463	-	-	-	7.442.890.462	17.228.117.428	135.123.307.353	15.673.266.584	452.299.463	168.067.412.550
Tăng vốn trong năm nay (*)	89.999.930.000	78.067.482.550	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Lãi/lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	67.017.235.059	67.017.235.059	67.017.235.059	67.017.235.059
Phân phối lợi nhuận năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-	13.636.988.069	13.636.988.069	3.100.280.864	(19.794.040.147)	(3.056.771.214)	(3.056.771.214)	(3.056.771.214)	(3.056.771.214)
Chi trả cổ tức năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(21.999.930.000)	(21.999.930.000)	(21.999.930.000)	(21.999.930.000)	(21.999.930.000)
Tạm ứng cổ tức năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(19.885.493.000)	(19.885.493.000)	(19.885.493.000)	(19.885.493.000)	(19.885.493.000)
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-	(12.110.636.000)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(12.110.636.000)
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá năm trước	-	-	-	-	-	-	(452.299.463)	-	-	-	-	-	-	-	-	(452.299.463)
Chênh lệch tỷ giá cuối năm nay	-	-	-	-	-	-	1.660.766.338	-	-	-	-	-	-	-	-	1.660.766.338
Thuế TNDN năm trước truy thu	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(11.592.101)	(11.592.101)	(11.592.101)	(11.592.101)	(11.592.101)
Số dư cuối năm nay	199.999.930.000	78.067.482.550	-	-	-	(12.110.636.000)	1.660.766.338	1.660.766.338	13.636.988.069	10.543.171.326	22.554.297.239	314.351.999.522	15.673.266.584	452.299.463	314.351.999.522	

(*) Tăng vốn trong năm theo Nghị quyết số 240/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21 tháng 12 năm 2009 của Đại Hội đồng cổ đông Công ty. Theo đó, phát hành cổ phiếu trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 10% là 1.100.000 cổ phiếu, chào bán cho cổ đông hiện hữu là 2.680.697 cổ phiếu với giá chào bán là 20.000 đồng/1 cổ phiếu và chào bán cho đối tác chiến lược là 5.219.303 cổ phiếu với giá chào bán là 21.500 đồng/1 cổ phiếu.



CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚC TIẾN

Lô 03-9A, KCN Hai Bà Trưng, Phường Hoàng Văn Thụ,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

b) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	199.999.930.000	110.000.000.000
- Vốn góp đầu năm	110.000.000.000	110.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	89.999.930.000	-
- Vốn góp cuối năm	199.999.930.000	110.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	41.885.423.000	-
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước ⁽¹⁾	21.999.930.000	-
- Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay ⁽²⁾	19.885.493.000	-

(1) Theo Nghị quyết số 240/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21 tháng 12 năm 2009 của Đại Hội đồng cổ đông và Nghị quyết số 58/NQ-HĐQT/2010 ngày 26/04/2010 của Hội đồng quản trị, Công ty công bố chi trả cổ tức năm 2009 như sau: phát hành cổ phiếu trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 10% vốn điều lệ và chi trả bằng tiền mặt là 10% vốn điều lệ.

(2) Theo Nghị quyết số 182/HĐQT-PHT ngày 23/09/2010 của Hội đồng quản trị, Công ty công bố tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2010 bằng tiền mặt là 10% vốn điều lệ.

c) Cổ phiếu

	Cuối năm	Đầu năm
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	19.999.993	11.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	19.999.993	11.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	19.999.993	11.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	870.260	-
- Cổ phiếu phổ thông	870.260	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	19.129.733	11.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	19.129.733	11.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành	10.000	10.000

d) Các quỹ công ty

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	13.636.988.069	-
Quỹ dự phòng tài chính	10.543.171.326	7.442.890.462
	24.180.159.395	7.442.890.462

18 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm và hàng hóa	1.201.802.395.594	910.554.501.732
Doanh thu cung cấp dịch vụ	388.963.483	495.923.522
	1.202.191.359.077	911.050.425.254

353
CÔNG TY
CỔ PHẦN
SẢN XUẤT VÀ
THƯƠNG MẠI
PHÚC TIẾN
KIỂM TOÁN

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚC TIẾN

Lô 03-9A, KCN Hai Bà Trưng, Phường Hoàng Văn Thụ,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

19 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm và hàng hóa đã bán	1.170.374.634.997	887.516.332.451
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(300.678.406)
	<u>1.170.374.634.997</u>	<u>887.215.654.045</u>

20 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.223.989.579	188.586.884
Lãi đầu tư cổ phiếu	66.000.000	15.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	59.200.362.826	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	499.964.269	32.766.366
Doanh thu hoạt động tài chính khác	592.991.574	18.635.500
	<u>61.583.308.248</u>	<u>15.239.988.750</u>

21 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Lãi tiền vay	10.744.309.277	7.142.730.680
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.560.072.960	5.358.273.753
Dự phòng các khoản đầu tư	312.130.000	
Chi phí tài chính khác	392.202.431	167.005.477
	<u>14.008.714.668</u>	<u>12.668.009.910</u>

22 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	19.853.391	7.164.720
Chi phí nhân công	671.574.908	474.411.609
Chi phí dịch vụ mua ngoài	923.142.264	709.495.703
Chi phí khác bằng tiền	48.988.129	204.558.961
	<u>1.663.558.692</u>	<u>1.395.630.993</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚC TIẾN

Lô 03-9A, KCN Hai Bà Trưng, Phường Hoàng Văn Thụ,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

23 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	1.007.986.259	401.814.493
Chi phí nhân công	3.506.887.816	2.105.921.412
Chi phí khấu hao tài sản cố định	774.079.372	641.151.161
Thuế, phí, lệ phí	34.701.000	43.225.000
Chi phí dự phòng	167.131.138	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	950.230.335	1.123.166.382
Chi phí khác bằng tiền	588.747.460	1.328.461.824
	7.029.763.380	5.643.740.272

24 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	70.212.678.259	19.230.253.216
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	(57.430.905.460)	1.095.384.681
- Các khoản điều chỉnh tăng (chi phí không hợp lý)	1.769.457.366	1.095.384.681
- Các khoản điều chỉnh giảm (cổ tức, lợi nhuận được chia)	(59.200.362.826)	-
Tổng lợi nhuận chịu thuế	12.781.772.799	20.325.637.897
Tổng lợi nhuận tính thuế	12.781.772.799	20.325.637.897
Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25%	25%
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	3.195.443.200	5.081.409.474
Thuế Thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	-	(1.524.422.842)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.195.443.200	3.556.986.632
Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	3.556.986.632	2.898.930.323
Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(4.576.302.328)	(2.898.930.323)
Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối năm	2.176.127.504	3.556.986.632

25 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.



CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚC TIẾNLô 03-9A, KCN Hai Bà Trưng, Phường Hoàng Văn Thụ,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

26 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Năm 2010</u> VND	<u>Năm 2009</u> VND
Góp vốn vào công ty			
- Công ty TNHH Phúc Tiến Hải Phòng	Công ty con	16.500.000.000	4.500.000.000
Doanh thu bán hàng			
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Phúc Tiến Hưng Yên	Công ty con	430.042.139.037	406.589.686.168
- Công ty TNHH Phúc Tiến Hải Phòng	Công ty con	123.591.563.808	-
Mua hàng			
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Phúc Tiến Hưng Yên	Công ty con	375.500.118.334	346.556.555.362
- Công ty TNHH Phúc Tiến Hải Phòng	Công ty con	7.241.354.318	22.122.736.717
Cổ tức, lợi nhuận được chia			
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Phúc Tiến Hưng Yên	Công ty con	59.200.362.826	-
Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm:			
	<u>Mối quan hệ</u>	<u>31/12/2010</u> VND	<u>01/01/2010</u> VND
Phải thu tiền hàng			
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Phúc Tiến Hưng Yên	Công ty con	68.212.852.976	95.554.662.208
- Công ty TNHH Phúc Tiến Hải Phòng	Công ty con	53.975.520.710	6.389.702.545
Ứng trước cho người bán			
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Phúc Tiến Hưng Yên	Công ty con	12.144.766.101	-
- Công ty TNHH Phúc Tiến Hải Phòng	Công ty con	6.526.373.602	-
Phải thu khác			
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Phúc Tiến Hưng Yên	Công ty con	59.200.362.826	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚC TIẾN

Lô 03-9A, KCN Hai Bà Trưng, Phường Hoàng Văn Thụ,
 Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

27 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009, đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) kiểm toán. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2009 được lập theo phương pháp trực tiếp, do mục đích quản trị nên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2010 được lập theo phương pháp gián tiếp, vì vậy Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2009 được lập lại theo phương pháp gián tiếp để phù hợp với số liệu so sánh năm nay.

Một số chỉ tiêu đã được phân loại và trình bày lại do thay đổi chế độ kế toán. Thực hiện theo Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính về việc thay đổi chế độ kế toán hiện hành, từ ngày 1/1/2010 số dư Quỹ khen thưởng, Phúc lợi được trình bày trong mục nợ ngắn hạn thay cho trước đây được trình bày trong mục vốn chủ sở hữu.

	Mã số	Phân loại và trình	Đã trình bày trên
		bày lại	báo cáo năm trước
		VND	VND
Bảng cân đối kế toán			
Nợ ngắn hạn	310	235.985.504.177	234.317.873.106
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	1.667.631.071	-
Vốn chủ sở hữu	400	135.123.307.353	136.790.938.424




Trương Thị Thu Hiền
 Kế toán trưởng

Đào Đức Toàn
 Phó Giám đốc

Lập, ngày 10 tháng 02 năm 2011

